

Số: 18 /2018/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 91/2017/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2018 và thay thế Quyết định số 160/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Ninh, về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 103/2012/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 của UBND tỉnh, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 160/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương (b/c);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Các Cụm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh;
- Các Ban và cơ quan của Tỉnh uỷ;
- Các Đoàn thể tỉnh;
- Các Hội nghề nghiệp - xã hội tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước địa phương, doanh nghiệp cổ phần có vốn của Nhà nước;
- Các cơ quan, doanh nghiệp TW trên địa bàn tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CVP.



Nguyễn Tử Quỳnh

QUY CHẾ**Về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Bắc Ninh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định: Nguyên tắc thi đua, khen thưởng; thẩm quyền khen thưởng, trao thưởng; hồ sơ thủ tục, thời gian xét đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Sáng kiến các cấp; Quỹ thi đua, khen thưởng; quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) đạt nhiều thành tích trong các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam, các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích và công lao đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, các hoạt động an sinh xã hội và các hoạt động khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc các cấp chính quyền ở tỉnh có thẩm quyền quyết định khen thưởng và các tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị thành viên là đơn vị trong một cụm, khối thi đua hoặc cùng tham gia thực hiện một chuyên đề thi đua.
2. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, phòng, khoa thuộc bệnh viện cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh, trường học, trung tâm, ban, chi cục và tương đương, các đơn vị thuộc sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố).
3. Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.
4. Lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố đơn vị thuộc tỉnh là các cá nhân giữ chức vụ từ Phó Giám đốc các sở, ban, ngành, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và tương đương trở lên (gọi tắt là lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý).
5. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 4. Nguyên tắc bình xét khen thưởng

Nguyên tắc bình xét khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

1. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; Không tặng đồng thời Bằng khen của cấp uỷ và chính quyền cùng cấp đối với một thành tích đạt được cho một đối tượng; Trong một năm có thể tặng nhiều Bằng khen cho một đối tượng có thành tích đột xuất, thành tích đặc biệt xuất sắc.
2. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người lao động trực tiếp. Khi đề nghị khen thưởng thành tích toàn diện đối với cá nhân phải đảm bảo ít nhất 70% là người lao động trực tiếp.
3. Khi đề nghị khen thưởng từ Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh trở lên được thực hiện như sau:
 - a) Lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân: không quá 01 người/01 cơ quan.
 - b) Lãnh đạo cấp huyện, thị xã, thành phố: Không quá 02 người/địa phương.
 - c) Cán bộ quản lý cấp phòng, ban thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện: không quá 01 người/01 đơn vị; không quá 30% tổng số phòng, ban.
4. Chuyên đề thi đua do cấp nào phát động thì cấp đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh, UBND tỉnh sẽ xem xét khen thưởng.
5. Kết quả khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương không làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp nhà nước.

Điều 5. Đăng ký thi đua

1. Các Cụm, khối thi đua tổ chức ký kết giao ước thi đua và đăng ký Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ đối với tập thể; danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua Toàn quốc đối với cá nhân, gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 15/02, ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30/10 hàng năm.

2. Đăng ký danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua Toàn quốc: phải kèm theo đăng ký sáng kiến, đề tài.

Chương II

TIÊU CHUẨN, THẨM QUYỀN XÉT TẶNG VÀ ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Điều 6. Khen thưởng cấp Nhà nước

Chủ tịch UBND tỉnh xét, đề nghị cấp trên khen thưởng:

1. Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động (các hạng); Anh hùng Lao động; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Chiến sĩ thi đua Toàn quốc: Được thực hiện tại các Điều 34, 35, 36, 37, 38, 42, 43, 44 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 9, 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cờ thi đua của Chính phủ: tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua của tỉnh hoặc tập thể dẫn đầu toàn tỉnh trên các lĩnh vực, ngành nghề, có mô hình mới để các tập thể khác học tập, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Khen thưởng thành tích cống hiến: Thực hiện theo Điều 36, 37, 38, 42, 43, 44 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 16, 17, 18, 22, 23, 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Danh hiệu vinh dự nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước:

a) Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 62 Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì giúp Hội đồng xét duyệt danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” cấp tỉnh việc xét duyệt đề nghị tặng thưởng các danh hiệu cao quý: “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” cho toàn ngành.

b) Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 63, Luật Thi đua, Khen thưởng và theo Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”. Sở Y tế chủ trì giúp Hội đồng xét duyệt danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” cấp tỉnh việc xét duyệt đề nghị tặng thưởng các danh hiệu cao quý: “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” cho toàn ngành.

c) Danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 64 Luật Thi đua, Khen thưởng và theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú”. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì giúp Hội đồng xét duyệt danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú” cấp tỉnh việc xét duyệt đề nghị tặng thưởng các danh hiệu cao quý: “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú” cho toàn ngành.

d) Danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 65, Luật Thi đua, Khen thưởng và theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Sở Công thương chủ trì giúp Hội đồng xét duyệt danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” cấp tỉnh việc xét duyệt đề nghị tặng thưởng các danh hiệu cao quý: “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” cho toàn ngành.

đ) Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Thực hiện theo Điều 59 Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ và Thông tư số 03/2014/TTLT/BNV-BQP-BLĐT&XH ngày 10/10/2014 của liên bộ: Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

e) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước: Thực hiện theo Điều 66, 67, 68 Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; Điều 5, 8, 9, 10 Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

Điều 7. Khen thưởng cấp tỉnh

UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh xét, quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”:

a) Tập thể là đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức hoặc sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố đơn vị thuộc tỉnh tổ chức được đánh giá, bình xét, suy tôn là đơn vị xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua theo cụm, khối thi đua và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo chuyên đề thi đua cấp tỉnh (chuyên đề thi đua có thời gian thực hiện từ 01 năm trở lên).

Xét tặng cho các tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của các cụm khối thi đua của tỉnh, của ngành thuộc tỉnh (Chi cục và tương đương); các xã, phường thị trấn (được các cụm, khối thi đua bình bầu, suy tôn).

- Tập thể tiêu biểu xuất sắc, được bình chọn, suy tôn là đơn vị tiêu biểu dẫn đầu các khối thi đua của tỉnh.

- Tập thể xã, phường, thị trấn tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua của các huyện, thị xã, thành phố.

- Các tập thể cơ sở xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua của các sở, ban, ngành, đoàn thể (lựa chọn các tập thể có quy mô lớn và có thành tích đặc biệt xuất sắc).

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc, được lựa chọn trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng và tiêu chí sau:

- Các địa phương, đơn vị có tổ chức Đảng đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh”; chính quyền đạt danh hiệu “Vững mạnh”: Số lượng xét, đề nghị không vượt quá 35% tổng số các tập thể do đơn vị quản lý (tỷ lệ này áp dụng đối với cả việc xét từng loại hình tập thể: số xã; số phòng trực thuộc; số các cơ quan, phòng ban thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố, các ban, cơ quan của Đảng, các đoàn thể,...).

- Các địa phương, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ: Số lượng xét, đề nghị không vượt quá 30% tổng số các tập thể do đơn vị quản lý.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP (số lượng đề nghị không quá 30% tổng số chiến sĩ thi đua cơ sở 03 lần liên tục của các đơn vị thuộc tỉnh. Trong đó Lãnh đạo cấp huyện, thị xã, thành phố (tính từ cấp phó: Huyện ủy, thị ủy, thành ủy; HĐND, UBND trở lên) không quá 02 người/địa phương, Lãnh đạo các sở, ban, ngành, MTTQ và đoàn thể nhân dân và tương đương: 01 người/đơn vị).

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và theo các đối tượng, tiêu chuẩn sau:

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về khen thưởng tổng kết năm tặng cho tập thể thuộc các cụm, khối thi đua của tỉnh, được các cụm, khối thi đua của tỉnh bình xét, suy tôn.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về khen thưởng tổng kết năm tặng cho các tập thể, cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố đơn vị thuộc tỉnh trong số các tập thể, cá nhân 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; cá nhân có 02 sáng kiến được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận.

c) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích thi đua theo chuyên đề, đạt các tiêu chuẩn sau:

Đối với tập thể: Là tập thể có thành tích xuất sắc trong số các tập thể thực hiện chuyên đề như tham gia tích cực, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo tốt kế hoạch đã đề ra trong quá trình thực hiện chuyên đề, thành tích đó đóng góp thiết thực vào hoàn thành nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị và địa phương.

Đối với cá nhân: Có thành tích tiêu biểu trong số cá nhân hoàn thành nhiệm vụ trong quá trình thực hiện chuyên đề. Thành tích của cá nhân có đóng góp tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị và địa phương.

d) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh.

Để kịp thời động viên tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng Bằng khen; thưởng tiền theo thẩm quyền.

đ) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 lần mức lương tối thiểu trở lên (có thể tính đóng góp cộng dồn trong 01 năm).

e) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động; Chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang có nhiều thành tích, phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Lập nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất học tập, công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Công nhân có từ 01 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên.

g) Đối với các đơn vị không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp: hàng năm phải có 2/3 số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến".

h) Đối với các đơn vị không thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua hàng năm của UBND tỉnh thì căn cứ theo thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục để tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

i) Đối với các đơn vị ngành dọc thuộc Trung ương quản lý, đối với các tập thể không nằm trong diện tổ chức bình xét thi đua thường xuyên hàng năm, UBND tỉnh chỉ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân về những thành tích đóng góp cụ thể cho tỉnh hoặc khen nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập đơn vị năm tròn, năm chẵn.

k) Khen đối ngoại: Các cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh; tổ chức, cá nhân người nước ngoài; người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh; có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, nhân đạo, từ thiện; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh thì được Chủ tịch UBND tỉnh xét, quyết định tặng Bằng khen.

Điều 8. Khen thưởng cấp cơ sở

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

4. Danh hiệu “Gia đình văn hóa” ở xã, phường, thị trấn được xét tặng hàng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 29 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. Danh hiệu thôn, làng, tổ dân phố văn hóa được xét tặng hàng năm cho thôn, làng, tổ dân phố và tương đương đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại các Điều 74, 75, 76 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Các trường hợp xét duyệt, đề nghị khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng trước khi báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh uỷ xét duyệt; cụ thể:

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ xét duyệt:

- Danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; “Chiến sĩ thi đua Toàn quốc”;

- Các hình thức khen thưởng Huân chương;

- Hình thức khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với cán bộ thuộc Tỉnh uỷ quản lý.

b) Báo cáo UBND tỉnh xét duyệt:

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”; “Cờ thi đua của UBND tỉnh”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

- Hình thức khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên.

2. Thường trực Hội đồng thi đua - Khen thưởng:

a) Thẩm định thành tích, tổng hợp và chuẩn bị các nội dung phục vụ cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này trước khi báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh uỷ.

b) Thẩm định thành tích, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng thưởng:

- Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Các trường hợp hiệp y khen thưởng khi có văn bản hiệp y của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

3. Hội đồng xét duyệt các danh hiệu vinh dự của nhà nước: Nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ (nhân dân, ưu tú) cấp tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ đối với cán bộ thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý trước khi trình khen thưởng.

Điều 10. Hiệp y khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh xét, hiệp y khen thưởng theo đề nghị của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương (trừ các nội dung không phải hiệp y theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng).

2. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo hiệp y khen thưởng đối với các đơn vị đề nghị tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thuộc cấp huyện quản lý theo đề nghị hiệp y của Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ;

b) Các huyện, thị xã, thành phố hiệp y khen thưởng đối với các đơn vị đề nghị tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý đóng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố theo đề nghị hiệp y của Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

Chương III QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 11. Quy trình xét khen thưởng

1. Khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động (các hạng); Anh hùng Lao động; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua Toàn quốc; Cờ thi đua của Chính phủ:

Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, tổng hợp, thực hiện các quy trình và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp, xét duyệt.

Căn cứ kết quả bỏ phiếu của thành viên Hội đồng, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, thực hiện Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và trình Chủ tịch UBND tỉnh xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Khen thưởng thành tích công hiến:

Hàng năm các đơn vị trực thuộc tỉnh rà soát các trường hợp thuộc diện khen thưởng sau khi có thông báo nghỉ hưu, đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) hướng dẫn cá nhân hoặc người nhà cá nhân (nếu cán bộ đề nghị khen thưởng đã từ trần) làm báo cáo (có xác nhận của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ). Trình UBND tỉnh (qua Ban Thi đua, Khen thưởng, Sở Nội vụ).

Ban Thi đua, Khen thưởng, Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước:

Cơ quan Thường trực của từng Hội đồng xét tặng theo chuyên ngành cấp tỉnh tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu (bao gồm các Thành viên theo quy định và có lãnh đạo Sở Nội vụ phụ trách Ban Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng).

Hội đồng xét tặng từng chuyên ngành cấp tỉnh khi thực hiện các quy trình, thủ tục theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tổng hợp các cá nhân đủ điều kiện, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, trình cấp trên khen thưởng.

d) Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định hồ sơ, tổng hợp đề nghị sang Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng); Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Khen thưởng tổng kết năm cho các đơn vị thuộc các Cụm, khối thi đua của tỉnh; các tập thể, lãnh đạo địa phương, đơn vị, cán bộ, công chức, nhân viên thuộc các địa phương, đơn vị; khen thưởng chuyên đề, khen thưởng thành tích đột xuất:

Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị, Trưởng cụm, khối thi đua của tỉnh, các địa phương, đơn vị thẩm định và tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét duyệt đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Căn cứ kết quả bỏ phiếu của thành viên Hội đồng, Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các trường hợp đủ tiêu chuẩn, trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

Đối với các chuyên đề do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách, trước khi trình Chủ tịch xem xét, quyết định phải xin ý kiến của Phó Chủ tịch phụ trách chuyên đề.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, báo cáo xin ý kiến (bằng văn bản) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thường trực UBND tỉnh.

Sau khi có ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thường trực UBND tỉnh. Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng

1. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 83, 84, 85, 86 Luật Thi đua - Khen thưởng và Điều 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với đơn vị và giám đốc đơn vị sản xuất kinh doanh: xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền về việc thực hiện nghĩa vụ và chấp hành chính sách trong các lĩnh vực: thuế, bảo hiểm, môi trường, công tác phòng cháy và chữa cháy trong thời gian trình khen theo quy định.

Điều 13. Quy định về thời gian đề nghị

1. Các địa phương, đơn vị đề nghị khen thưởng theo chuyên đề trình trước 15 ngày (trừ khen thưởng đột xuất);

2. Thời gian hoàn thành việc xét duyệt khen thưởng: các địa phương, đơn vị trình UBND tỉnh đề nghị khen thưởng tổng kết công tác năm trước ngày 05/12 hàng năm; các cụm, khối thi đua của tỉnh tổ chức bình xét thi đua, trình UBND tỉnh trước ngày 05/12 hàng năm. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Các địa phương, đơn vị trình đề nghị khen thưởng tổng kết công tác năm học trước ngày 30/6 hàng năm;

Thời gian xét thành tích cho các tập thể, cá nhân hàng năm tính từ khi kết thúc việc xét duyệt năm trước đến thời điểm xét duyệt của các năm tiếp theo.

Điều 14. Tôn vinh danh hiệu và các giải thưởng, tổ chức trao thưởng

1. Tôn vinh danh hiệu và các giải thưởng:

Việc tôn vinh các danh hiệu, các giải thưởng có liên quan đến khen thưởng phải đăng ký và được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tổ chức trao thưởng:

Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước và cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua.

3. Trang trí buổi lễ:

Việc trang trí buổi lễ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ.

Chương IV

THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP; HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP; TỔ CHỨC, BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 15. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh thành lập theo Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

Điều 16. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, thị xã, thành phố

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện, thị xã, thành phố là cơ quan tham mưu cho Huyện uỷ, Thành uỷ, Thị uỷ; UBND về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố;

b) Hội đồng có không quá 02 Phó Chủ tịch. Trong đó Trưởng Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực; Phó Chủ tịch và Ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 17. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể là cơ quan tham mưu cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể;

b) Trưởng các phòng, ban, chuyên môn; đại diện lãnh đạo các đoàn thể của sở, ban, ngành, đoàn thể là thành viên (từ 5-7 người);

c) Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm phân công trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 18. Hội đồng Sáng kiến các cấp

Thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến; Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến.

Điều 19. Tổ chức, bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thuộc tỉnh

1. Phòng Tổ chức cán bộ (Văn phòng hoặc Phòng Tổ chức - Hành chính) của các sở, ban, ngành tỉnh; Phòng Nội vụ thuộc UBND các huyện, thị xã, thành

phổ là Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị. Trưởng các cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị là Phó Chủ tịch Hội đồng.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí 01 cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng.

3. Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn bố trí cán bộ Văn phòng - Thống kê kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng.

4. Đối với các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo tính ổn định. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Công thương: bố trí 01 cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 20. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Điều 94 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi thực hiện theo Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH DỰ

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 87, 88, 89 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 76, 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 22. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng

Thực hiện theo Điều 96 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 23. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 98 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và theo các tiêu chí sau:

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về kết quả, những hành vi vi phạm trong công tác thi đua, khen thưởng và được giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tập hợp, xem xét giải quyết và đề nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo theo trình tự của pháp luật quy định.

Điều 24. Hồ sơ tước, phục hồi danh hiệu, quyết định khen thưởng

Thực hiện theo Điều 97 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện, thị xã, thành phố; các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này để xây dựng quy định (Quy chế) thi đua, khen thưởng cho phù hợp với đặc thù của cơ quan, địa phương, đơn vị mình. Phát hiện, chủ động xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất hoặc làm thủ tục đề nghị UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các trường hợp vi phạm hoặc thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế trong năm gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 05/12 hàng năm (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ):

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng hợp các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện chậm kế hoạch, kém hiệu quả phong trào thi đua “Bắc Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”;

b) Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch: Tổng hợp các địa phương, đơn vị vi phạm quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Không hoàn thành kế hoạch xây dựng “Làng (Tổ dân phố, Khu phố) văn hoá”, “Công sở (Đơn vị) văn hóa”;

c) Sở Y tế: Tổng hợp danh sách các trường hợp vi phạm chính sách kế hoạch hoá gia đình;

d) Công an tỉnh: Tổng hợp danh sách các địa phương, đơn vị có người mắc các tệ nạn xã hội; các xã (phường, thị trấn) có số người mắc tệ nạn xã hội không giảm hơn so với năm trước;

đ) Sở Nội vụ: Tổng hợp danh sách các địa phương, đơn vị thực hiện cải cách thủ tục hành chính chậm, hiệu quả kém; các địa phương, đơn vị có cán bộ vi phạm pháp luật hoặc bị kỷ luật từ khiển trách trở lên; tổng hợp đánh giá chính quyền vững mạnh của UBND tỉnh;

e) Sở Thông tin và Truyền thông: Tổng hợp danh sách các địa phương, đơn vị thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin chưa tốt trên địa bàn tỉnh;

g) Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh: tổng hợp kết quả nộp ngân sách, việc thực hiện chính sách thuế, thực hiện chế độ bảo hiểm, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy của các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện chưa tốt trên địa bàn tỉnh.

3. Đề nghị các đơn vị phối hợp cung cấp các thông tin:

a) Ban Tổ chức Tỉnh uỷ: Cung cấp thông tin về kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng của các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh.

b) UBKT Tỉnh uỷ: Cung cấp thông tin về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên của các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh.

c) Đảng uỷ Khối các cơ quan tỉnh, Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp tỉnh tổng hợp kết quả đánh giá tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị thuộc tỉnh, trình UBND tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

c) Hàng năm ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế này về thời gian trình, số lượng đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân.

d) Kịp thời phát hiện, thẩm định, đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất (theo thủ tục đơn giản).

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *mmnh*



Nguyễn Tử Quỳnh